

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAM LÂM
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/HNGĐ-ST

Ngày: 15/3/2018

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAM LÂM, TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Công Thành**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Lê Thanh Văn**

2. Bà **Mai Thị Thu Trang**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Huệ** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cam lâm, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 15 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 315/2017/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2017 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2018/QĐXX-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Hồ Thị Thu H**, sinh năm 1975

Địa chỉ: Tổ dân phố B, thị trấn C, huyện CL, tỉnh Khánh Hòa.

Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Ngọc T**, sinh năm 1975

Địa chỉ: Tổ dân phố B, thị trấn C, huyện CL, tỉnh Khánh Hòa.

Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị Thu H:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/10/2017, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm công khai, bà Hồ Thị Thu H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Ngọc T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1993, sau đó năm 1998 mới tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Cam Thành Bắc, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa, theo giấy chứng nhận kết hôn số 55, quyển số 01 ngày 24/10/1998. Quá trình chung sống giữa hai vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến thường xuyên kinh cãi, đời sống hôn nhân không

hạnh phúc, nguyên do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tôn trọng nhau; đến khoảng tháng 9 năm 2017 bà H phát hiện ra ông T có quan hệ với người phụ nữ khác, bà biết được sự việc do thấy tin nhắn điện thoại và hóa đơn phòng Karaoke. Bà đã nói chuyện với ông T nhưng ông T không thừa nhận quan hệ này. Vợ chồng đã hòa giải nhiều lần nhưng không hàn gắn được tình cảm, hiện nay đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2017. Bà không còn tình cảm với ông T, việc kéo dài quan hệ hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc cho bà, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Nguyễn Ngọc T.

Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Bà và ông T có 02 con chung đều khỏe mạnh bình thường, không có nhược điểm về thể chất và tinh thần là các cháu Nguyễn Thị Thùy T, sinh năm 1996 và Nguyễn Ngọc Trường T, sinh ngày 31/01/2004. Cháu T đã trưởng thành nên bà không có ý kiến và không yêu cầu Tòa xem xét. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T, yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng.

Về chia tài sản khi ly hôn: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Ngọc T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông thống nhất với lời trình bày của bà H về thời gian chung sống và thời gian kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn và tranh cãi là không sao tránh được. Việc bà H nghi ngờ ông có quan hệ với người phụ nữ khác là không đúng, thực chất chỉ là quan hệ làm ăn, bạn bè. Ông đã giải thích cho bà H nhưng bà H không thay đổi và đã bỏ về nhà ngoại sống từ tháng 10/2017 cho đến nay. Sau khi ly thân ông đã cố gắng thuyết phục để vợ quay về nhưng bà H không đồng ý. Ông luôn quan tâm và lo lắng cho vợ con, rất yêu thương gia đình vì vậy ông không đồng ý ly hôn, ông mong muốn vợ chồng cho nhau cơ hội hàn gắn, đoàn tụ để chăm lo cho con cái và vợ chồng được hạnh phúc.

Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Ông và bà H có 02 con chung đúng như bà H đã trình bày. Cháu T đã trưởng thành nên ông không có ý kiến và không yêu cầu Tòa xem xét. Nếu Tòa án giải quyết buộc ly hôn, ông cũng đồng ý giao cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng cháu T, ông đồng ý cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng.

Về chia tài sản khi ly hôn: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Hồ Thị Thu H và ông Nguyễn Ngọc T tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Cam Thành Bắc, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa, theo giấy chứng nhận kết hôn số 54, quyển số 01, ngày 24/10/1998, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Hồ Thị Thu H vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn bị đơn ông Nguyễn Ngọc T, bà H và ông T đều xác nhận đời sống chung của vợ

chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân nảy sinh mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có sự tôn trọng và chia sẻ, bà H nghi ngờ ông T có quan hệ với người phụ nữ khác dẫn tới thường xuyên xuyên kinh cãi. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng bà H vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn với ông T vì bà thấy hôn nhân không hạnh phúc và bà không còn tình cảm với ông T, ông T cho rằng vẫn còn tình cảm với bà H nên không đồng ý ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông T thực sự có mâu thuẫn, vợ chồng không còn chung sống, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, bà H yêu cầu ly hôn ông T là có căn cứ nên chấp nhận.

[2] *Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con*: Bà Hồ Thị Thu H và ông Nguyễn Ngọc T đều xác nhận vợ chồng có 02 con chung đều khỏe mạnh bình thường, không có nhược điểm về thể chất và tinh thần là các cháu Nguyễn Thị Thùy T, sinh năm 1996 và Nguyễn Ngọc Trường T, sinh ngày 30/01/2004. Cháu T đã trưởng thành nên ông bà không có ý kiến và không yêu cầu Tòa xem xét. Công nhận thỏa thuận việc giao cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc Trường T, sinh ngày 30/01/2004, ông Nguyễn Ngọc T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng, bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 04/2018 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

[3] *Về chia tài sản khi ly hôn*: Bà Hồ Thị Thu H và ông Nguyễn Ngọc T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về án phí*: Bà Hồ Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ông Nguyễn Ngọc T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 39; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn; bà Hồ Thị Thu H được ly hôn ông Nguyễn Ngọc T.

2. Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Giao cho bà Hồ Thị Thu H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Ngọc Trường T, sinh ngày

30/01/2004; Ông Nguyễn Ngọc T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng, bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 04/2018 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản khi ly hôn: Bà Hồ Thị Thu H và ông Nguyễn Ngọc T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Hồ Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm; được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2012/0009750 ngày 17/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cam Lâm; bà H đã nộp đủ tiền án phí. Ông Nguyễn Ngọc T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

Quy định: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Nguyễn Ngọc T chậm trả tiền cấp dưỡng thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện Cam Lâm;
- Chi cục THADS huyện Cam Lâm;
- UBND xã Cam Thành Bắc, H.Cam Lâm;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Công Thanh

